

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2023

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Năng Long

2. Bà Phan Thị Thiện.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lường Thị Ng, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 13, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng: Luật sư Vũ Trọng T, sinh năm 1979; Địa chỉ: 81/6 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Trần Thanh C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 13, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lường Thị Ng trình bày:

Bà Lường Thị Ng (nguyên đơn) và ông Trần Thanh C (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện xã E, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn 13, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

hạnh phúc được một thời gian, thì đến đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã, khiến vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn tình cảm. Đến tháng 4/2022, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Trần Đình Nhật H, sinh ngày 15/9/2005 và cháu Cháu B, sinh ngày 14/4/2014, hiện tại các cháu đang ở với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ng thống nhất với ý kiến trình bày của bà Ng và không bổ sung gì thêm.

Theo đơn trình bày ý kiến và xin giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Thanh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bị đơn đồng ý ly hôn nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Trần Đình Nhật H, sinh ngày 15/9/2005 và cháu Cháu B, sinh ngày 14/4/2014. Bị đơn đồng ý giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên bị đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và đề nghị xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao 02 cháu Trần Đình Nhật H, sinh ngày 15/9/2005 và cháu Cháu B, sinh ngày 14/4/2014 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đình Nhật H mỗi tháng là 2.000.000 đồng và cháu Cháu B mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Về tài sản và nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 13, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện xã E, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/11/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, làm cho vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn tình cảm với nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2022. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn với bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Trần Đình Nhật H, sinh ngày 15/9/2005 và cháu Cháu B, sinh ngày 14/4/2014, hiện nay các cháu đang ở với nguyên đơn, nguyện vọng các con chung là muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn với nhau và bị đơn cũng đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao 02 cháu Trần Đình Nhật H và cháu Cháu B cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho các con chung theo quy định của pháp luật. Theo Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì căn cứ vào “nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng” gồm chi phí ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí cần thiết khác với mức trung bình tại địa phương; căn cứ vào “khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng” thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con (mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử là 1.490.000 đồng). Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của người phải cấp dưỡng nuôi con cũng như lợi ích hợp pháp về mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về cấp dưỡng cho 02 cháu Trần Đình Nhật H và cháu Cháu B mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng theo phương thức định kỳ hàng tháng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[5] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp

với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lương Thị Ng với ông Trần Thanh C.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Đình Nhật H, sinh ngày 15/9/2005 và cháu Cháu B, sinh ngày 14/4/2014 cho bà Lương Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu Trần Đình Nhật H và Cháu B mỗi cháu một tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H và cháu Bảo đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Lương Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0017520 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho bà Lương Thị Ng số tiền chênh lệch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Ông Trần Thanh C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định